

HỌC HỎI VÀ SO SÁNH ĐỂ TRÁNH GIÁO ĐIỀU

□ VŨ NGỌC NHUNG

GẦN ĐÂY ĐỌC CUỐN KINH TẾ HỌC CỦA P.A.SAMUELSON VÀ W.D.NORDHAUS (1), TÔI ĐI TỪ NGẠC NHIÊN NÀY ĐẾN NGẠC NHIÊN KHÁC VÀ CUỐN SÁCH ĐÃ THÀNH CÔNG TRONG VIỆC LÀM CHO KINH TẾ HỌC ĐƯỢC SINH VIÊN "NGẠC NHIÊN NHẬN RA KINH TẾ HỌC SAO MÀ THÚ VỊ ĐẾN THẾ" (1a) NHƯNG CŨNG CÒN MỘT SỐ ĐIỂM CHƯA RÕ, CHƯA THEO ĐÚNG NHƯ LỜI NÓI ĐẦU "CHÚ Ý ĐẦY ĐỦ ĐẾN TẤT CẢ CÁC TRƯỜNG PHÁI KINH TẾ CẠNH TRANH: CHỦ NGHĨA CHIẾT TRUNG SAU KEYNES, CHỦ NGHĨA TRỌNG TIỀN TỆ, LÝ THUYẾT VỀ NHỮNG DỰ ĐOÁN HỢP LÝ, CHỦ NGHĨA TỰ DO CHICAGO, CHỦ NGHĨA MARX VÀ KINH TẾ HỌC CẤP TIẾN" (1b).

Quen với cách học hỏi, tôi muốn nêu lên trong bài này những câu hỏi để các bạn cùng suy nghĩ và trao đổi vì cuốn sách nói A ta cũng gặt là A, bất biết đến cách lập luận và khảo nghiệm trong thực tế của các tác giả thì quả thật từ bỏ giáo điều này lại rơi vào giáo điều khác. Những câu hỏi đó là:

1/ Vì sao không có thiếu phát (deflation) bên cạnh lạm phát (inflation)? Phải chăng trong kinh tế học có thể coi số âm, số dương cũng như nhau?

2/ Lạm phát cung-dầu là gì? Thất chặt tiền tệ để giải quyết lạm phát cung-dầu có mâu thuẫn không?

4/ Ngân hàng thương mại tạo tiền ghi sổ (deposit money) hay thực ra chỉ là phát hành tiền ghi sổ? Những giả thiết "ví dụ" của số nhân mở rộng tín dụng (credit expansion multiplier) có đúng vững trong thực tế được không?

Tôi bắt đầu câu số 1 từ một biểu đồ (1c) rất quý (nước ta khó mà có được), biểu đồ về xu hướng tăng lạm phát giá cả hàng tiêu dùng. (xem ở cuối bài)

Cái làm bật ra câu hỏi trên không phải là đường biểu đồ mà là những câu chú thích của Hình 5-4 và câu giải thích ngay trong trang 103: "tỷ lệ lạm phát là tỷ lệ tăng lên hay giảm đi của mức giá".

Ở đây có 3 khái niệm mà trong thực tế lẫn lý thuyết phải phân biệt rõ. Đó là:

1- Giá cả tăng biểu lộ bằng số phần trăm dương so với kỳ trước, ví dụ giá cả đầu năm 1988 của ta tăng bình quân +19%/tháng. Lạm phát thể hiện rõ nhất qua chỉ số giá cả. Nhưng không phải giá cả nào tăng lên cũng do lạm phát, ví dụ giá đầu lúa tăng lên do chiến tranh vùng Vịnh, giá các loại đậu tăng lên khi hết mùa thu hoạch v.v...

2- Mức tăng của giá cả giảm bớt, như cuối năm 1988 chỉ số giá cả bình quân chỉ còn 7% tháng. Đó là hiện tượng giảm lạm phát.

3- Giá cả giảm xuống biểu lộ bằng số phần trăm âm của chỉ số giá cả. Ví dụ tháng 5,6 và 7.89, chỉ số giá cả của ta lần lượt là -1,5%, -2,9%, -1,4% gộp chung lại thành -5,9%.

Nếu phân tích kỹ lời chú thích ở biểu đồ, chúng ta sẽ thấy 3 khái niệm sơ đẳng này được trộn lẫn với nhau:

- "Trong Đại suy thoái, giá cả trên thực tế giảm xuống", trên biểu đồ đó là -11%. Như vậy là đúng với khái niệm (3).

- "Lưu ý lạm phát có xu hướng tăng từ 1960 đến 1980 tiếp đó là giảm nhanh". Từ "giảm nhanh" này phù hợp với khái niệm (2) vì lạm phát từ +11% năm 1974 giảm xuống +5% năm 1977, nhưng ý kế tiếp ngay sau đoạn này có một dấu phẩy đã đảo ngược từ dương (+) sang âm (-) "hay gọi là giảm phát", như vậy giảm lạm phát

đã được coi như đồng nghĩa với giảm phát (deflation), diễn tiến từ +11% xuống +5% cũng được coi như diễn tiến +0,2% — —11% vào cuộc Đại suy thoái 1929-1932, như -1% năm 1949, như -0,5% năm 1956 (Chính vì thế khi chưa đọc cuốn sách này tôi cũng đã hay dùng từ "thiếu phát" để diễn đạt từ deflation thay cho từ "giảm phát").

Nếu tôi là người viết ra những dòng trích dẫn trên, chắc mọi người sẽ cười tôi là chả biết gì về khoa học cả vì viết như vậy chẳng khác gì nói tôi sốt từ 34 độ đến 40 độ nhưng hôm qua đã giảm sốt còn 38 độ, hôm nay chỉ còn 26 độ vì căn cứ vào nhiệt độ bình thường 37 độ thì 26 độ cũng như -11 độ (nếu coi 37 độ cũng như làm ranh số 0 để phân biệt số âm với số dương). Nhưng tác giả cuốn sách này lại là một nhà kinh tế học đầu tiên được giải Nobel nên chúng ta phải thận trọng tìm hiểu. Tôi đã tìm xem cách lập luận về sự đảo khái niệm này nó nằm ở trang nào nhưng tìm không ra. Mong các bạn đã đọc cuốn này, nhất là đã học ở Học viện công nghệ Massachusetts tìm giúp.

Học hỏi, nhưng câu hỏi chưa tự giải đáp được nên tôi chuyển sang so sánh. Theo những điều tôi hiểu được về quy luật lưu thông tiền tệ của Mác, thì khối lượng tiền thực tế lưu thông (Kt) phải luôn luôn cân đối với khối lượng tiền cần cho lưu thông (Kc). Kc (*) lại tỷ lệ thuận với tổng giá cả hàng hoá và dịch vụ đưa ra lưu thông (H) và tỷ lệ nghịch với vòng quay của đồng tiền (V). Nếu công thức hoá sẽ là: $Kc = H/V$ và quy luật đòi hỏi $Kt = Kc$

Irving Fischer cũng bằng con đường khác phát hiện ra quy luật này theo phương trình trao đổi nổi tiếng $MV = PT$ với:

M: money là lượng tiền lưu thông còn gọi là lượng tiền tệ cung ứng (money supply)

V: velocity là tốc độ lưu thông tiền tệ

P: price là mức giá trung bình

T: transactions là tổng khối lượng hàng hoá dịch vụ thực hiện.

Tôi nói quy luật vì lượng tiền lưu thông tăng vượt PT, giá cả sẽ tăng theo. Tiền tăng mà ta cậy rằng năm XNQT trong tay có thể kìm giá không cho tăng là làm trái quy luật và bị quy luật trừng phạt nặng nề qua thời bao cấp duy ý chí.

Cuốn sách kinh tế học này đã xếp

(1) P.A. Samuelson và W.D.Nordhaus, Kinh tế học, tái bản lần thứ 12 do Viện Quan hệ quốc tế dịch và ấn hành năm 1989

(1a) Trang VII; (1b) trang VII; (1c) trang 103.

(*) Từ đây xin phép được dùng các ký hiệu thay cho tên gọi.

PHÁT TRIỂN

phương trình $MV = PT$ vào loại "thuyết số lượng thô sơ" và đổi nó thành hằng đẳng thức $MV = PQ$. Đó cũng là điều cần tìm hiểu thêm, nhưng hãy quay về quy luật lưu thông tiền tệ. Theo đòi hỏi $Kt = Kc$, nếu $Kt > Kc$ là lạm phát hay thừa tiền trong lưu thông, còn nếu $Kt < Kc$ là thiếu phát hay thiếu tiền trong lưu thông. Hai căn bệnh của tiền tệ này đối nghịch nhau như thừa đối nghịch với thiếu. Kc như nhiệt độ 37 độ của con người, lớn hơn 37 độ là sốt nóng, nhỏ hơn lại là căn bệnh khác.

Lạm phát chúng ta đã quen biết qua nhiều năm chung sống và bị nó hành hạ, nó biểu hiện bằng:

- Tiền mất giá đối lập với thiếu phát là tiền lên giá như năm 1989 tiền ta lên giá so với vàng là gấp đôi, với đô-la là gấp mười, với hàng hoá là 105,9% (hay +5,9%)
- giá cả hàng hoá tăng đối lập với thiếu phát là giá cả hạ.

Như vậy lạm phát làm tăng giá hàng và tạo lãi giả (lãi do trượt giá) còn thiếu phát làm hạ giá hàng, như năm 1989 thiếu phát chỉ viếng thăm nước ta có 7 tháng đã làm giá cả nói chung hạ -5,9%. So với mức -11% trên biểu đồ hình 5-4 nói trên, đó là giữa nửa. -11% đã đem lại cho nước Mỹ cuộc Đại suy thoái (mà ta thường gọi là khủng hoảng kinh tế) với cái giá rất đắt: "Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) từ 103 tỷ đô-la năm 1929 tụt xuống còn 56 tỷ đô-la năm 1933" (2). Vậy giữa nửa trị giá -11% đem lại cho nước ta suy thoái, thất nghiệp tăng thêm, vỡ nợ HTX TD và phá sản nhiều XN quốc doanh địa phương thì phải nói kinh tế nước ta là một cơ thể cứng rắn, các giám đốc XNQD chúng ta cầm cự giỏi trước cơn sốt nóng của tiền tệ chuyển sang sốt rét 7 tháng rồi lại sốt nóng với "nhiệt độ" có tháng đã trên +10%.

Tác động của lạm phát và thiếu phát cũng ngược chiều nhau:

- Lạm phát tạo lãi giả thực chất là số vốn bị bào mòn bởi tiền mất giá, còn thiếu phát gây ra "lỗ giả" nhưng thiệt hại thực Nông dân trong cơn thiếu phát 4-11/89 đã bị lỗ giả từ trên trời "thiếu phát" rơi xuống làm giá lúa từ 300đ xuống còn 200đ, có nơi còn có 200đ. Như vậy là lỗ đứt 20%-30%, không phải do sản xuất kém mà do thiếu tiền trong lưu thông.

- Lạm phát nhẹ kích thích sản xuất phát triển vì được vay vốn nhiều hơn, có thêm chút ít lãi giả gây cảm tưởng ăn nên làm ra; còn thiếu phát lại gây suy thoái vì hạ giá do thiếu tiền trong lưu thông cũng tác động chẳng khác gì hạ giá do ế hàng.

Thiếu phát còn nguy hiểm hơn lạm phát nhất là khi nó tác động cộng hưởng với suy thoái sẽ gây ra khủng hoảng kinh tế. Chính vì nhận ra nguy cơ của thiếu phát nên J.M.Keynes đã viết ra câu nổi tiếng

(2) P.A.Samuelson, sách Kinh tế học đã dẫn, tập I trang 128-129.

(3) Sách đã dẫn trang 396.

(4) Sách đã dẫn trang 397

"Chế độ bản vị vàng là đi săn dã man". Tại sao vậy? Vì Karl Marx từ thế kỷ thứ 19, khi nghiên cứu luật Ngân hàng Anh (currency principle) đã phê phán đạo luật đó luôn gây ra thiếu phát theo cơ chế cứ trữ kim của Ngân hàng T.W.Anh giảm bao nhiêu thì Vụ phát hành phải giảm lượng giấy bạc lưu thông đi bấy nhiêu. Như vậy H không giảm có nghĩa là Kc không giảm mà lại giảm Kt, tất yếu sẽ gây ra thiếu phát. Chính vì vậy, thuyết tiền giấy mềm hơn tiền vàng của Keynes thực tế đã xoá bỏ tác dụng cộng hưởng gây khủng hoảng kinh tế của thiếu phát và đã giúp chủ nghĩa tư bản không còn bị những cuộc đại suy thoái từ năm 1933, mà chỉ còn chịu suy thoái chu kỳ ngắn hơn nhưng nhẹ hơn nhiều.

Tôi đã tìm đọc trong cuốn *Kinh tế học* xem mối quan hệ giữa Kt và Kc đã được hiện đại hoá như thế nào, nhưng quả thật tôi đã thất vọng vì khối tiền tệ cung ứng (MS) được tính toán khá kỹ nhưng khối tiền tệ nhu cầu (MD) trong chương 16 "Thuyết trọng tiền và mức cầu về tiền tệ" lại không gắn với lượng hàng hoá và dịch vụ cần thực hiện (hay đưa ra lưu thông cũng vậy). Ở chương này, mức cầu về tiền tệ lại chỉ được chia thành mức cầu về giao dịch mà tôi hiểu là lượng tiền "nhân dân và các doanh nghiệp cần để làm phương tiện giao dịch" (3) và mức cầu về tài sản mà "người ta cũng có thể giữ tiền để tích lũy giá trị" (4). Ở đây có sự khác biệt với cơ sở lý luận của Karl Marx vì Mác gắn số cầu về tiền (Kc) với lượng hàng hoá và dịch vụ cần thực hiện. Lượng hàng hoá này có thể từ nước ngoài tràn vào như năm 1989 ở nước ta; nó khác với lượng tiền "các gia đình cần để mua đồ... các doanh nghiệp cần để mua nguyên vật liệu và trả công lao động" vì các gia đình và doanh nghiệp cần theo ý muốn chủ quan của mình và nhiều khi cần mà không kiếm được mặc dù tiền thừa trôi nổi ngoài lưu thông. Karl Marx xác định

Kc theo số hàng, đã nằm sẵn ở các cửa hàng số dịch vụ mà người thợ trực sẵn ở các quán, các rạp... và cần có người bỏ tiền ra thực hiện. Tóm lại tôi hiểu cần đối Kt = Kc của Marx là cần đối tiền-hàng, còn cần đối cung-cầu tiền tệ trình bày trong cuốn *Kinh tế học* nói trên là cần đối tiền-tiền. Đó là tiền cung ứng (MS) do nhà nước in giấy bạc và NHTW "tạo" tiền gửi cần đối với lượng tiền nhu cầu (MD) do người dân và các doanh nghiệp đòi hỏi (Chính vì thế mà tôi không muốn dùng MS thay cho Kt và MD thay cho Kc. Cách hiểu của tôi được minh chứng bằng câu sau đây (ở hình 16-3 trang 399). "Fed có một mục tiêu về tiền ở M^* ... Công chúng (các gia đình và các hãng kinh doanh) muốn giữ ngân hàng M1 khác nhau ở nhiều mức lãi suất khác nhau, lãi suất thấp hơn thì số tiền đòi ra lớn hơn" (Chú thích M1 = tiền mặt lưu thông, + tiền gửi không kỳ hạn ở các ngân hàng và tổ chức tín dụng). Như vậy người ta điều chỉnh mức cầu tiền tệ bằng lãi suất, còn ta biết được Kc từ tháng 3/89 tăng vọt lên do hàng ngoại tràn ngập lưu thông và hàng nội riêng gạo đã dôi ra 1,5 triệu tấn. Quyết định sáng suốt của Bộ chính trị tung tiền mặt ra lưu thông để mua gạo xuất khẩu... đã dập tắt thiếu phát trong vài tháng.

Phải chăng cuốn *Kinh tế học* này không nói đến thiếu phát đối lập với lạm phát (như hạ huyết áp đối lập với cao huyết áp) chỉ vì đã cần đối tiền với tiền?

Mỗi người đọc sách có cách hiểu khác nhau và những thắc mắc khác nhau. Bài báo này viết theo ý hiểu của tôi, chắc chắn có chỗ đúng chỗ sai, mong các bạn tham gia trao đổi tranh luận để cùng nhau làm sáng rõ cơ sở lý luận cho chính sách tiền tệ, điều rất cần để ổn định tiền tệ khi chúng ta đã đi được một bước, bắt đầu kiểm chế lạm phát nhưng chưa vững chắc. ●

VNN.

